

Bản án số: 23/2026/DS-ST

Ngày 20/3/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu;

2. Ông Đỗ Văn Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân vực 10 – Lâm Đồng: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân vực 10 – Lâm Đồng, Tòa án nhân dân vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 12/02/2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/2026/TB-TA ngày 09/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964.

HKTT: xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: khu phố C, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu phố A, phường B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: 1/ Bà Trịnh Thị X1 – sinh năm 1992

2/ Ông Vũ Văn A – sinh năm 1982

Cùng nơi cư trú: tổ B, khu phố E, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Ngọc S – sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ B, khu phố E, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị X (do bà Nguyễn Thị Kim L đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 14/6/2025, bà Nguyễn Thị X cho bà Trịnh Thị X1, sinh năm 1992. Hiện thường trú tại tổ B, khu phố E, phường T, tỉnh Lâm Đồng (phường Đ cũ) vay tiền để làm vốn xoay sở buôn bán tạp hóa để làm kinh tế phát triển gia đình.

Tổng cộng các lần vay như sau:

- Ngày 14/6/2025 vay 150 triệu đồng
- Mượn tiếp 25 triệu (không ghi ngày nhưng chữ ghi là của bà X1).
- Ngày 03/6 (A1) vay 20 triệu
- Ngày 10/6 vay 20 triệu
- Ngày 18/6 vay 20 triệu
- Ngày 23/6 vay 40 triệu
- Ngày 26/10 vay 25 triệu

- Mượn tiếp 50 triệu (không ghi ngày nhưng hẹn tháng 12 âm lịch trả, chữ ghi là của bà X1).

Tổng cộng bà Trịnh Thị Xuân M của bà Nguyễn Thị X là 08 lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Trong 08 lần vay thì có lần bà X nói ghi tên anh trai bà là ông Trịnh Ngọc S vay nhưng thực tế là bà X nhận tiền, chữ viết của bà X chứng minh điều đó. Ban đầu các lần mượn thì bà X hẹn ngay ngày hôm sau sẽ góp trả dần nhưng sau đó bà X thất hẹn, bà Nguyễn Thị X đã rất nhiều lần đến gặp vợ chồng bà X để đòi nợ.

Ban đầu ông A chồng bà X năn nỉ sau đó do bà X không trả và cố tình lánh mặt nên bà Nguyễn Thị X đến nhà đòi tiếp tục, Ông A phản ứng và hăm dọa (Bà Nguyễn Thị X đã cung cấp tin nhắn của ông A kèm theo đơn). Điều này chứng tỏ rằng ông A biết rất rõ việc vợ mình là bà X vay tiền để kinh doanh mua bán trong gia đình, ban đầu ông A năn nỉ nhưng sau đó lại quay sang hăm dọa và thách thức nguyên đơn đi khởi kiện.

Việc bà Trịnh Thị X1 cho người đã chuyển trả tiền lãi và tiền gốc vào hàng tháng cho số tài khoản Nguyễn Thị Bích P do một tài khoản của một người khác chuyển là không có căn cứ. bởi vì không có nội dung chuyển khoản là “trả tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị X”.

Chính vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng buộc vợ chồng bà Trịnh Thị X1 và ông Vũ Văn A phải trả tiền nợ với số tiền gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu) và lãi xuất theo quy định pháp luật tính từ ngày mượn của các lần vay đến ngày nộp đơn khởi kiện là gần 02 tháng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim L đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trịnh Thị X1, ông Vũ Văn A trả nợ, đối với số tiền gốc đại diện nguyên đơn rút 01 phần là 25.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 325.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trịnh Xuân S1.

Bị đơn bà Trịnh Thị X1 trình bày:

Từ ngày 14/6/2024, bà Trịnh Thị X1 có mượn tiền của bà Nguyễn Thị X tổng số tiền của các lần là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó có 1 lần bà X nhờ ông Trịnh Ngọc S ghi nhận nợ trong sổ 50.000.000 đồng nhưng thực tế số tiền này đưa bà X nhận.

Số tiền 175.000.000 đồng bà Trịnh Thị X1 đã mượn của bà Nguyễn Thị X đã trả dần và đến ngày 02/06/2025 đã trả xong khoản tiền này, mặc dù không có gì chứng minh ký nhận vào sổ của bà Nguyễn Thị X là đã trả hết nợ.

Bà Trịnh Thị X1 đã trả hết nợ cho bà Nguyễn Thị X nhưng khi đó để tạo lòng tin để ông L1 cho vay thêm khoản tiền 100.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị X có yêu cầu bà X ghi 1 tờ giấy mới vào ngày 14/6/2024 dương lịch với nội dung Trịnh Thị X1 vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị X số tiền là 175.000.000 đồng.

Số tiền thực tế bà Xuân M sau này có ghi vào tờ giấy nhận nợ ngày 03/6/2025 âm lịch là 100.000.000 đồng. Bà X có nhờ bà N chủ tài khoản “NGUYEN THI YEN NHI” chuyển nhiều lần tiền trả từ 04/6/2025 đến 03/8/2025 cho bà Nguyễn Thị X nhưng chuyển khoản vào sổ tài khoản của bà “NGUYEN THI BICH PHUONG” là con của bà Nguyễn Thị X. Số tiền đã chuyển cho bà Nguyễn Thị X là 65.580.000 đồng, số tiền còn nợ bà Nguyễn Thị X là 34.180.000 đồng.

Bà X xác định hiện nay chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị X số tiền 34.420.000 đồng. Chồng bà là ông Vũ Văn A không liên quan đến số tiền bà X vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị X. Số tiền bà Xuân M của bà Nguyễn Thị X để làm sổ đỏ cho mẹ, không liên quan đến mẹ bà X.

Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị X1 xác định không có các bằng chứng gì để chứng minh đã trả tiền cho bà Nguyễn Thị X. Bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng.

Bị đơn ông Vũ Văn A trình bày tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải:

Ông hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền giữa vợ (Trịnh Thị X1) và bà Nguyễn Thị X. Việc nhắn tin trên zalo nội dung nói đến việc vay mượn tiền là sau khi xảy ra ồn ào tại nhà mẹ vợ thì ông mới biết đến việc vay mượn tiền.

Ông không biết bà Nguyễn Thị X là ai và không đồng ý việc bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ông A và bà Trịnh Thị X1 cùng trả nợ. Bà Trịnh Thị X1 mượn tiền của bà Nguyễn Thị X thì phải có trách nhiệm tự trả nợ, ông A không biết, không liên quan đến khoản nợ này.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc S trình bày:

Việc vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị X và Trịnh Thị X1, ông S không liên quan đến. Ông S không có vay tiền của bà Nguyễn Thị X, ông S không liên quan đến khoản nợ này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí đúng quy định tại Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Q.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị: Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bà Trịnh Thị X1 về việc bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng; Chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu đối với ông Trịnh Ngọc S và rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 325.000.000 đồng, rút phần yêu cầu về việc tính lãi suất; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Vũ Văn A cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại phường T nên Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị X là nguyên đơn, do bà Nguyễn Thị Kim L đại diện theo ủy quyền. Bà Nguyễn Thị X và ông Vũ Văn A là bị đơn. Ông Trịnh Ngọc S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị X yêu cầu vợ chồng bà Trịnh Thị X1 và ông Vũ Văn A phải trả tiền nợ với số tiền gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu) và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày mượn của các lần vay đến ngày nộp đơn khởi

kiện là gần 02 tháng, lãi suất tính theo. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm các giấy ghi mượn tiền có chữ viết của bà Trịnh Thị X1: ngày 14/6/2025 vay 150 triệu đồng, mượn tiếp 25 triệu (không ghi ngày nhưng chữ ghi là của bà X1); Ngày 03/6 (A1) vay 20 triệu; Ngày 11/6 vay 20 triệu; Ngày 18/6 vay 20 triệu; Ngày 23/6 vay 40 triệu; Ngày 26/10 vay 25 triệu; Mượn tiếp 50 triệu (không ghi ngày nhưng hẹn tháng 12 âm lịch trả, chữ ghi là của bà X1). Tổng cộng: 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim L đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Trịnh Thị X1, ông Vũ Văn A trả nợ, đối với số tiền gốc đại diện nguyên đơn rút 01 phần là 25.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 325.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trịnh Xuân S1.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trịnh Thị X1 chỉ thừa nhận có mượn tiền của bà Nguyễn Thị X tổng số tiền của các lần là 325.000.000 đồng, trong đó có 1 lần bà Trịnh thị X1 nhờ ông Trịnh Ngọc S ghi nhận nợ trong sổ 50.000.000 đồng nhưng thực tế số tiền này đưa cho bà Trịnh Thị X1 nhận. Số tiền này bà Trịnh Thị X1 đã trả góp cho bà Nguyễn Thị X, tính đến ngày 02/8/2025 còn nợ lại 34.420.000 đồng. Tuy nhiên, do bị đơn không thể cung cấp được tài liệu chứng minh, nên bị đơn bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng. Như vậy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là bà Trịnh Thị X1 đã thỏa thuận được số tiền nợ là 325.000.000 đồng và bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc yêu cầu đối với ông Vũ Văn A (chồng bà Trịnh Thị X1) cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ. Xét yêu cầu này, của nguyên đơn thấy rằng: tại các tài liệu chứng cứ là các giấy nhận nợ thì chỉ có bà Trịnh Thị X1 viết, ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị X1 xác định việc vay mượn tiền chỉ có một mình bà X1 giao dịch với nguyên đơn, việc vay mượn tiền để làm giấy tờ nhà đất cho cha mẹ bà X1, chồng bà là ông Vũ Văn A hoàn toàn không tham gia, không biết, ông A chỉ biết việc vay mượn tiền là tại thời điểm ngày 02/8/2025 do bà Nguyễn Thị X đến nhà bà X la lối, chửi bới, đòi tiền. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của ông Vũ Văn A và phù hợp với nội dung tin nhắn giữa ông A và bà Nguyễn Thị X và phù hợp với đoạn video do bị đơn cung cấp. Đủ cơ sở xác định, ông A không tham gia giao dịch vay mượn tiền này, ông A chỉ biết sự việc từ ngày 02/8/2025, do vậy không đủ cơ sở để buộc ông Vũ Văn A cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị X.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bà Trịnh Thị X1 về việc bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận việc đại diện nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, rút yêu cầu đối với ông Trịnh Ngọc S và rút phần yêu cầu về việc tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Vũ Văn A cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị: Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bà Trịnh Thị X1 về việc bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng; Chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, rút yêu cầu đối với ông Trịnh Ngọc S và rút phần yêu cầu về việc tính lãi suất; Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Vũ Văn A cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí đúng quy định tại Điều 146 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí theo đúng quy định tại Điều 147 BLTTDS 2015.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 246, Điều 265; Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Các Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự;

2. Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện nguyên đơn và bà Trịnh Thị X1 về việc bà Trịnh Thị X1 đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị X số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, rút yêu cầu đối với ông Trịnh Ngọc S và rút phần yêu cầu về việc tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Vũ Văn A cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị X1 phải chịu 16.250.0000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị X thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn yêu cầu xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị X, bà Trịnh Thị X1, ông Trịnh Ngọc S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2026); ông Vũ Văn A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Yến Linh

